

**KẾT QUẢ BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI SẮT HẠCH
CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN ĐỢT THÁNG 11/2025**

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUỖ		
1	27211342914	Bùi Trường An	6/1/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	31CSC1	6.0	6.3	Đạt	
2	28214954772	Cao Bá An	7/18/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31TYC11	5.3	8.5	Đạt	
3	27213801662	Đặng Mai An	7/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN7	8.3	5.8	Đạt	
4	28212300412	Nguyễn Ngọc An	10/29/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31TBN12	4.3	3.8	Không Đạt	
5	28204950432	Đỗ Thị Lan Anh	10/6/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CBN7	9.3	8.5	Đạt	
6	29206759011	Hà Thị Lý Anh	6/19/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	31THT13	8.3	6.0	Đạt	
7	27202142288	Hồ Mai Anh	9/29/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN7	6.7	6.3	Đạt	
8	26204335799	Hoàng Thị Minh Anh	5/25/2001	Quảng Trị	Nữ	Kinh	30CYC3	3.3	6.3	Không Đạt	
9	28208105564	Huỳnh Thị Vân Anh	9/24/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC12	5.3	9.3	Đạt	
10	28204951038	Lê Hà Kiều Anh	5/28/2004	Ninh Bình	Nữ	Kinh	31CSC7	8.3	6.8	Đạt	
11	28208006728	Lê Thị Anh	5/14/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TSC12	8.7	6.3	Đạt	
12	28212306329	Lương Tuấn Anh	5/2/2004	Bình Phước	Nam	Thái	31TYC11	8.0	9.3	Đạt	
13	28214101119	Nguyễn Đắc Tuấn Anh	1/26/2004	Thanh Hóa	Nam	Kinh	31CBN8	8.0	2.8	Không Đạt	
14	28212302694	Nguyễn Tấn Anh	2/11/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31CSC8	9.0	8.0	Đạt	
15	28208101888	Nguyễn Thị Vân Anh	11/30/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TBN13	4.3	5.8	Không Đạt	
16	28204825385	Trần Mai Anh	11/25/2004	Thái Bình	Nữ	Kinh	31CHT8	6.0	7.5	Đạt	
17	28206121597	Trần Quế Anh	12/10/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CBN8	6.3	5.0	Đạt	
18	28208200774	Trần Thị Minh Anh	12/4/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31SYC6	9.3	7.0	Đạt	
19	28200350838	Trần Thị Trâm Anh	12/25/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31THT11	8.3	7.5	Đạt	
20	27202241869	Võ Thị Kiều Anh	5/26/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	31CHT7	8.0	6.5	Đạt	
21	28204632878	Võ Thị Vân Anh	7/19/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT8	8.7	6.0	Đạt	
22	28208134275	Phạm Huỳnh Ánh	12/27/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT8	5.3	4.3	Không Đạt	
23	28207230884	Phạm Trần Ngọc Ánh	4/3/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31CYC7	7.7	7.3	Đạt	
24	28208053167	Phan Thị Minh Ánh	4/21/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TBN13	7.3	5.0	Đạt	
25	28214603301	Trần Nguyệt Ánh	9/14/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CYC8	8.3	7.0	Đạt	
26	28205206909	Lê Ra Ayun	3/17/2004	Đắk Lắk	Nữ	Êđê	31THT13	5.3	6.8	Đạt	
27	28212300980	Đậu Văn Bách	11/7/2004	Nghệ An	Nam	Kinh	31TSC12	5.3	8.8	Đạt	
28	27215445596	Trương Công Bàn	12/2/2002	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CYC8	7.7	9.5	Đạt	
29	28212301206	Đoàn Văn Bằng	7/21/2004	Lâm Đồng	Nam	Kinh	31CYC8	7.0	8.8	Đạt	
30	28212201361	Đặng Quốc Bảo	10/25/2004	Nghệ An	Nam	Kinh	31CHT7	6.3	9.0	Đạt	
31	28204601698	Đào Đoàn Nguyên Bảo	2/3/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31CSC6	V	-	Vắng thi	
32	28212353875	Huỳnh Ngô Gia Bảo	10/24/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TYC12	5.0	7.8	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
33	29218144012	Nguyễn Gia Bảo	12/3/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TYC12	7.7	5.0	Đạt	
34	28212301053	Nguyễn Xuân Bảo	1/13/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31TBN12	7.0	7.0	Đạt	
35	28211145153	Thái Hoàng Bảo	7/19/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31TSC12	8.0	10.0	Đạt	
36	27217243355	Văn Nguyên Bảo	4/23/2000	Quảng Nam	Nam	Kinh	30CBN2	-	V	Vắng thi	
37	28216553131	Trương Xuân Bin	3/31/2004	Hòa Bình	Nam	Kinh	31CHT7	5.7	6.0	Đạt	
38	28218250753	Tạ Quang Binh	7/12/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN8	7.0	6.3	Đạt	
39	27217101741	Nguyễn Phúc Sơn Ca	8/20/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31CYC7	8.3	6.8	Đạt	
40	28204602460	Dương Bảo Châu	1/10/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SSC6	7.7	9.5	Đạt	
41	27207331291	Hồ Thị Hàn Châu	2/1/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CBN7	V	V	Vắng thi	
42	28206706940	Hoàng Phúc Bảo Châu	10/14/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TSC9	6.7	6.0	Đạt	
43	29207255383	Nguyễn Đào Đoan Châu	8/9/2005	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	31TBN12	9.3	8.0	Đạt	
44	28208102706	Nguyễn Ngọc Minh Châu	2/21/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN13	7.0	4.3	Không Đạt	
45	28203603700	Võ Thị Lan Châu	6/8/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SSC6	7.7	7.5	Đạt	
46	29204355233	Bùi Thị Tổ Chi	3/29/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT13	7.3	5.5	Đạt	
47	28208004094	Lê Thị Kim Chi	7/13/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SHT7	8.0	7.0	Đạt	
48	28203541399	Lê Thị Linh Chi	11/7/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SSC6	6.3	8.4	Đạt	
49	27213836771	Nguyễn Quỳnh Chi	10/5/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN12	9.7	8.0	Đạt	
50	28204354936	Nguyễn Thị Kim Chi	4/10/2004	Hà Tây	Nữ	Kinh	31THT13	8.0	6.5	Đạt	
51	30218045947	Trần Thị Út Chi	6/11/2006	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SHT6	7.3	6.9	Đạt	
52	28214536712	Bùi Thành Công	6/22/2004	Long An	Nam	Kinh	31SHT7	4.7	6.8	Không Đạt	
53	28212320014	Cái Viết Cung	5/18/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31TSC11	6.7	8.5	Đạt	
54	28214637683	Ông Văn Cường	2/10/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CHT7	6.0	9.3	Đạt	
55	27206300254	Lê Phạm Chiêu Đan	9/1/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CBN8	6.7	6.8	Đạt	
56	28214321573	Trần Trương Dâng	9/16/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SBN7	8.3	9.0	Đạt	
57	28218426714	Đỗ Lê Danh	7/15/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SBN6	6.0	0.8	Không Đạt	
58	28218023058	Đỗ Thanh Danh	5/12/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31TYC11	9.7	7.0	Đạt	
59	28216602284	Huỳnh Kim Bảo Đạt	3/23/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CYC8	7.0	7.5	Đạt	
60	27213738601	Nguyễn Mai Thành Đạt	7/9/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC10	4.7	6.5	Không Đạt	
61	28212352728	Nguyễn Thành Đạt	4/16/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CYC7	7.7	8.0	Đạt	
62	28217204684	Nguyễn Văn Tuấn Đạt	5/1/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CYC7	6.0	2.5	Không Đạt	
63	28214552805	Nguyễn Viết Quốc Đạt	8/9/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC11	9.0	9.0	Đạt	
64	28212303978	Phạm Văn Thành Đạt	7/22/2004	Khánh Hòa	Nam	Kinh	31THT12	8.0	9.0	Đạt	
65	28214200772	Trần Quang Quốc Đạt	8/29/2004	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	31SBN7	9.0	9.5	Đạt	
66	28214600396	Trần Thành Đạt	1/24/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31TBN13	5.0	0.0	Không Đạt	
67	28212353890	Triệu Viết Đạt	9/26/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31CHT7	3.3	6.5	Không Đạt	
68	28212300010	Trịnh Hồ Tiến Đạt	7/11/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC11	9.0	7.5	Đạt	
69	28204402691	Bùi Thị Kiều Diễm	4/12/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC8	7.3	5.5	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
70	28208135643	Đặng Thị Diễm	10/26/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CYC7	8.0	5.5	Đạt	
71	28214639639	Văn Thị Thúy	8/15/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT7	8.0	8.3	Đạt	
72	28218004024	Trần Quang Diệp	4/1/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC12	9.3	6.5	Đạt	
73	28204946263	Nguyễn Thị Diệp	4/3/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CSC7	6.7	5.3	Đạt	
74	28206602051	Lê Thị Huyền	6/11/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT13	6.3	4.3	Không Đạt	
75	28204601749	Nguyễn Thị Bích	7/9/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31SSC6	4.3	5.8	Không Đạt	
76	28212335420	Bùi Văn Đức	2/13/2004	Nghệ An	Nam	Kinh	31CSC7	6.0	5.3	Đạt	
77	28212349679	Hồ Lê Hữu Đức	3/1/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CYC7	4.0	4.0	Không Đạt	
78	28216654855	Ngô Nhật Anh	1/11/2004	Hà Nội	Nam	Kinh	31CBN8	7.3	6.5	Đạt	
79	28212200950	Nguyễn Văn Đức	3/15/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CHT7	6.3	6.3	Đạt	
80	28212301345	Phạm Trung Đức	12/22/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31CHT7	10.0	9.0	Đạt	
81	28206504631	Hồ Thị Mỹ Dung	7/17/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SSC6	6.3	10.0	Đạt	
82	28208149389	Nguyễn Thùy Dung	4/22/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT7	5.7	6.3	Đạt	
83	28209305565	Nguyễn Võ Phương Dung	10/12/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC12	8.7	6.5	Đạt	
84	28206522951	Phạm Thị Mỹ Dung	2/21/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TYC11	7.0	6.3	Đạt	
85	28215150160	Nguyễn Tấn Dũng	9/20/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TYC12	8.7	8.8	Đạt	
86	27206301535	Đinh Thị Thùy Dương	10/13/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CHT8	5.7	5.0	Đạt	
87	28206504400	Nguyễn Thị Thùy Dương	3/25/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT12	7.0	6.3	Đạt	
88	28204601060	Nguyễn Thùy Dương	11/29/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CBN8	9.7	8.8	Đạt	
89	28208101754	Phạm Thị Thùy Dương	7/13/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CYC7	5.7	6.3	Đạt	
90	28206201279	Tướng Thị Ngọc Dương	1/9/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC12	9.0	9.8	Đạt	
91	27213702624	Dương Phương Duy	1/1/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN7	V	V	Vắng thi	
92	28218105696	Lê Hoàng Duy	6/3/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SSC6	8.7	6.8	Đạt	
93	29213123500	Lê Minh Duy	1/20/2005	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CSC8	6.0	3.5	Không Đạt	
94	27202741574	Hoàng Lê Mỹ Duyên	11/13/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	30CBN4	8.3	7.0	Đạt	
95	28206501876	Huỳnh Thị Ly Duyên	7/23/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CYC7	8.3	6.3	Đạt	
96	28204953013	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	6/4/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31CSC7	6.7	7.3	Đạt	
97	28208153477	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	3/25/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN8	9.3	6.3	Đạt	
98	28208103584	Phạm Thị Mỹ Duyên	10/9/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SSC6	8.7	6.3	Đạt	
99	28203550561	Trần Nguyễn Thị Mỹ Duyên	7/8/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TBN12	4.0	3.3	Không Đạt	
100	28206702044	Trần Thị Mỹ Duyên	8/15/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC11	9.3	9.3	Đạt	
101	29204455077	Nguyễn Khánh Giang	5/15/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC6	6.3	9.8	Đạt	
102	28204322931	Nguyễn Phan Thị Trà Giang	11/23/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TBN13	5.0	5.0	Đạt	
103	28214552879	Nguyễn Trường Giang	11/9/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31SYC6	8.0	9.8	Đạt	
104	28212349392	Mỵ Duy Hà	5/29/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31TYC11	7.0	7.5	Đạt	
105	28206549501	Nguyễn Thị Thu Hà	5/2/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TSC9	5.0	2.3	Không Đạt	
106	28206542514	Trần Thị Thu Hà	5/4/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CYC7	6.7	5.8	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
107	28206506855	Trương Thị Mỹ Hà	7/4/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31THT12	6.7	5.8	Đạt	
108	27218227851	Võ Hoàng Hà	10/20/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CYC8	7.7	7.5	Đạt	
109	28205202792	Ngô Lê Nhật Hạ	6/14/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CYC8	7.7	5.8	Đạt	
110	28214600618	Mai Ngọc Hải	10/15/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31THT12	5.3	6.5	Đạt	
111	28212349651	Nguyễn Đức Hải	3/19/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31CSC7	7.7	7.3	Đạt	
112	28218305990	Nguyễn Văn Minh Hải	4/3/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC10	7.0	9.0	Đạt	
113	28204648077	Phan Thị Ngọc Hải	4/2/2004	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	31CHT7	9.0	7.5	Đạt	
114	28214606801	Tạ Minh Hải	4/29/2004	Thái Bình	Nam	Kinh	31SHT7	6.3	6.3	Đạt	
115	27211300541	Trần Đình Hải	11/4/2003	Phú Yên	Nam	Kinh	31TYC7	-	V	Vắng thi	
116	28214550170	Trần Văn Ngọc Hải	6/2/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CBN7	5.7	4.3	Không Đạt	
117	28204853934	Lê Trương Gia Hân	10/12/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TBN12	6.3	6.0	Đạt	
118	28208101004	Nguyễn Phạm Diệu Hân	7/29/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN8	7.7	6.3	Đạt	
119	28203503022	Phan Gia Hân	3/14/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TBN2	5.0	2.5	Không Đạt	
120	28208151980	Phan Ngọc Xuân Hân	10/1/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31SSC6	2.0	5.3	Không Đạt	
121	28208245578	Trần Kim Hân	1/27/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN8	9.0	8.0	Đạt	
122	30205056221	Trần Mai Hân	1/1/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC11	9.0	9.5	Đạt	
123	29204661599	Văn Khánh Hân	11/19/2005	Phú Yên	Nữ	Kinh	31CSC8	8.3	7.5	Đạt	
124	28204600536	Lê Thị Thanh Hằng	10/1/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CHT8	9.3	6.8	Đạt	
125	28209446141	Nguyễn Thị Thanh Hằng	12/11/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31SYC6	8.3	8.5	Đạt	
126	28202701662	Nguyễn Thị Thanh Hằng	7/25/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TYC12	8.7	8.3	Đạt	
127	28204551168	Nguyễn Thị Thu Hằng	6/5/2002	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN7	9.3	6.5	Đạt	
128	28204634390	Nguyễn Thị Thu Hằng	9/13/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CBN7	3.7	1.8	Không Đạt	
129	28202741273	Nguyễn Thị Thúy Hằng	7/29/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC11	V	V	Vắng thi	
130	28204604790	Phan Thị Ngọc Hằng	4/5/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31TBN13	5.3	5.3	Đạt	
131	27202240585	Trần Thanh Hằng	10/5/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC7	V	V	Vắng thi	
132	28204639013	Trương Thị Thanh Hằng	2/1/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN13	6.0	6.5	Đạt	
133	28206552055	Nguyễn Thị Bích Hạnh	4/12/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TSC12	V	V	Vắng thi	
134	28208145148	Nguyễn Thị Công Hạnh	6/26/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN7	7.0	2.3	Không Đạt	
135	29206524141	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	6/1/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT13	8.7	8.3	Đạt	
136	28218102568	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	10/16/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC12	8.0	7.3	Đạt	
137	28204647984	Phan Thị Hạnh	12/11/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC12	7.3	8.8	Đạt	
138	28204551452	Trương Thị Mỹ Hạnh	1/9/2004	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	31SHT7	8.7	10.0	Đạt	
139	28218000369	Phạm Ngọc Hào	2/25/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TSC12	5.7	8.0	Đạt	
140	28217538423	Ngô Duy Hậu	3/28/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CYC7	5.0	6.5	Đạt	
141	28212347202	Phạm Văn Hậu	8/8/2004	Đắk Nông	Nam	Kinh	31SYC5	4.3	5.5	Không Đạt	
142	27212102849	Quách Hải Hậu	1/4/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CHT8	8.7	9.8	Đạt	
143	28204549267	Võ Thị Hồng Hậu	4/25/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SHT7	9.3	8.5	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
144	28214600749	Trương Văn Hiên	1/17/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TBN13	4.3	5.3	Không Đạt	
145	29207239970	Mai Nguyễn Thu Hiên	2/25/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TBN12	9.7	9.4	Đạt	
146	28206702069	Mai Thu Hiên	5/7/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TYC12	5.3	5.3	Đạt	
147	28209306287	Nguyễn Thị Mỹ Hiên	1/3/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31SHT7	9.7	7.8	Đạt	
148	28204951257	Nguyễn Thị Mỹ Hiên	7/10/2004	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	31TBN13	7.7	3.8	Không Đạt	
149	28206232346	Trần Thị Diệu Hiên	5/8/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC11	6.3	9.3	Đạt	
150	28206534971	Trần Thu Hiên	6/28/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CSC6	9.3	6.3	Đạt	
151	28204636066	Võ Thu Hiên	2/9/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN8	6.3	6.5	Đạt	
152	28214640694	Ngô Thế Hiên	12/10/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	30CBN12	6.0	5.0	Đạt	
153	28214625489	Nguyễn Lê Hiệt	8/16/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CYC8	7.0	9.0	Đạt	
154	28212349722	Nguyễn Chí Hiếu	6/23/1999	Bình Định	Nam	Kinh	31CSC8	7.3	8.0	Đạt	
155	28217431670	Phan Thanh Hiếu	6/30/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CSC7	7.7	8.8	Đạt	
156	29214956914	Trần Ngọc Hiếu	10/4/2005	Kon Tum	Nam	Kinh	31CHT6	9.7	5.0	Đạt	
157	28204306169	Trần Thị Ngọc Hiếu	3/7/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31SSC6	9.7	6.8	Đạt	
158	26215335523	Trần Trung Hiếu	1/2/2002	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TYC11	9.7	9.8	Đạt	
159	28212336054	Đinh Việt Hiệu	2/4/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TYC12	7.0	5.0	Đạt	
160	28214425119	Võ Phước Hiệu	7/20/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31THT13	8.7	5.0	Đạt	
161	25211604950	Hàn Sỹ Hinh	12/10/2001	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN6	5.7	9.0	Đạt	
162	28206503520	Lê Thị Thanh Hoa	10/20/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TYC11	9.0	8.8	Đạt	
163	27204326157	Trần Lê Bích Hoa	3/25/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC12	7.3	9.5	Đạt	
164	27211302450	Đặng Ngọc Hòa	11/27/2000	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC12	5.7	3.1	Không Đạt	
165	28205149987	Nguyễn Thị Thanh Hoài	11/4/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TBN13	2.0	6.0	Không Đạt	
166	28204551902	Nguyễn Thị Thu Hoài	3/28/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SHT7	9.7	10.0	Đạt	
167	28212305354	Lê Thanh Hoàn	10/16/2002	Lâm Đồng	Nam	Kinh	31TSC11	3.3	5.0	Không Đạt	
168	29219323285	Nguyễn Huy Hoàng	10/1/2005	Quảng Trị	Nam	Kinh	31TBN13	6.7	6.5	Đạt	
169	28212302243	Phạm Duy Hoàng	7/12/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CYC7	5.7	4.3	Không Đạt	
170	28212300877	Phạm Văn Chí Hoàng	1/10/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TYC11	8.7	8.3	Đạt	
171	27218728304	Phan Văn Hoàng	3/12/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31CSC8	6.0	8.0	Đạt	
172	28214300890	Huỳnh Thị Kiều Hoanh	11/15/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TSC10	7.7	5.0	Đạt	
173	28204652697	Nguyễn Thị Thu Hồng	1/21/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CYC8	9.7	8.5	Đạt	
174	29208162418	Nguyễn Võ Bích Hợp	4/21/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TSC12	8.0	5.5	Đạt	
175	28208400888	Hoàng Thị Huệ	1/10/2004	Đắk Nông	Nữ	Nùng	31CHT6	8.3	3.6	Không Đạt	
176	28214953737	Hoàng Đình Hùng	3/5/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31CHT8	5.7	5.0	Đạt	
177	28212751825	Trần Việt Hùng	9/18/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31SSC6	4.7	8.8	Không Đạt	
178	28212306404	Lê Phạm Việt Hưng	11/10/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TSC11	4.0	8.3	Không Đạt	
179	28206501142	Đoàn Quỳnh Hương	7/12/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TYC12	10.0	9.5	Đạt	
180	28208240368	Hồ Thị Thu Hương	12/27/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC7	8.7	6.3	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
181	28204538619	Hồ Xuân Hương	4/16/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31CHT8	9.3	8.6	Đạt	
182	28204625678	Huỳnh Thị Mỹ Hương	11/9/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC7	9.0	7.8	Đạt	
183	28208002516	Huỳnh Thu Hương	1/8/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TYC12	9.0	3.3	Không Đạt	
184	28208103958	Lê Ngô Quỳnh Hương	4/20/2004	Huế	Nữ	Kinh	31TYC11	8.0	9.8	Đạt	
185	28207101979	Nguyễn Ngọc Lan Hương	12/4/2004	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	31CYC7	5.7	5.0	Đạt	
186	28207139313	Nguyễn Thị Liên Hương	2/25/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN12	4.3	1.8	Không Đạt	
187	28212304058	Cao Hữu Đan Huy	11/10/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TSC11	5.3	5.3	Đạt	
188	28213102908	Hà Xuân Huy	3/21/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31THT12	9.0	6.0	Đạt	
189	28218453232	Hồ Minh Huy	1/26/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC10	-	V	Vắng thi	
190	28212354709	Hồ Vũ Quang Huy	1/1/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CBN8	6.7	7.0	Đạt	
191	28212350192	Lê Tạ Gia Huy	6/23/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CYC7	6.0	4.1	Không Đạt	
192	28218150818	Nguyễn Gia Huy	6/30/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TBN13	9.3	7.0	Đạt	
193	28212304135	Nguyễn Văn Huy	8/16/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CSC7	6.3	6.3	Đạt	
194	28215201377	Phan Xuân Huy	5/9/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31TYC12	5.3	8.8	Đạt	
195	28216301344	Trần Gia Huy	2/14/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31TBN12	6.3	7.5	Đạt	
196	28214550435	Trần Nhật Huy	7/16/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31SHT7	7.3	6.5	Đạt	
197	29206720448	Đinh Thị Diệu Huyền	9/5/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31THT13	5.7	6.8	Đạt	
198	28207131883	Đinh Thụy Khánh Huyền	11/3/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC7	4.7	1.5	Không Đạt	
199	28206237453	Lê Khánh Huyền	5/29/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC11	9.0	7.3	Đạt	
200	28204936517	Lê Phạm Thanh Huyền	1/2/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT8	9.7	7.4	Đạt	
201	28208034773	Lê Thị Thanh Huyền	10/26/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN7	9.0	7.8	Đạt	
202	28204533472	Nguyễn Thị Thu Huyền	4/20/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN7	5.3	8.3	Đạt	
203	28204600516	Phạm Thị Bích Huyền	5/25/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN12	8.3	8.3	Đạt	
204	29205241164	Phan Mạnh Kim Huyền	11/18/2005	Kon Tum	Nữ	Kinh	31TYC10	5.0	6.8	Đạt	
205	28204901994	Phan Phương Huyền	7/19/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CYC8	9.3	9.3	Đạt	
206	27205139284	Trần Thị Huyền	3/10/2002	Quảng Nam	Nữ	Kinh	30TYC4	8.3	7.5	Đạt	
207	28204506636	Trần Thị Khánh Huyền	3/6/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TSC12	8.7	5.3	Đạt	
208	28204502696	Võ Thị Lệ Huyền	10/11/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TBN10	8.7	2.3	Không Đạt	
209	28212304616	Võ Đăng Kha	11/27/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TSC11	7.7	5.0	Đạt	
210	28219604274	Nguyễn Bảo Khang	3/21/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31THT12	9.3	4.0	Không Đạt	
211	28214638525	Trần Nguyên Khang	6/9/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TYC12	5.3	5.3	Đạt	
212	27214720590	Đặng Nam Khánh	5/14/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CYC7	6.0	4.0	Không Đạt	
213	28206504294	Huỳnh Gia Khánh	10/16/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TBN12	8.7	3.8	Không Đạt	
214	28212354222	Nguyễn Ngọc Trường Khánh	9/2/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CYC7	7.0	8.8	Đạt	
215	28218136340	Lương Văn Khoa	11/10/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC11	6.0	3.8	Không Đạt	
216	27212233480	Trần Công Khoa	9/23/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CSC7	6.7	8.0	Đạt	
217	27211549251	Nguyễn Duy Khuyên	2/6/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31SBN7	8.7	7.0	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
218	28212253613	Trịnh Kiêm	5/8/2004	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	31SHT7	8.7	8.0	Đạt	
219	28208151419	Vì Thị Kiên	12/29/2004	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	31CYC8	5.7	6.5	Đạt	
220	28212353238	Đoàn Đức Kiệt	3/30/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC11	9.0	8.0	Đạt	
221	28218200370	Nguyễn Lâm Gia	7/26/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN8	8.3	10.0	Đạt	
222	28214300922	Phan Thanh Kiệt	12/14/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC12	5.7	5.3	Đạt	
223	28206704416	Dương Thị Mỹ Kiều	3/21/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TYC12	7.3	6.8	Đạt	
224	28206501064	Nguyễn Thị Thúy Kiều	2/26/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CHT7	8.7	7.0	Đạt	
225	28208151714	Nguyễn Thị Thúy Kiều	5/14/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CSC6	7.3	5.0	Đạt	
226	25202202956	Huỳnh Thị Đình Kính	5/6/1998	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TBN11	7.3	7.0	Đạt	
227	28204321624	Ngô Nguyễn Trúc Lam	10/14/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC11	6.7	5.8	Đạt	
228	28214528492	Lê Đức Bảo Lâm	3/18/2004	Hà Nội	Nam	Kinh	31SHT7	6.3	3.8	Không Đạt	
229	28214552364	Lý Võ Lâm	8/24/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31CBN7	4.3	6.3	Không Đạt	
230	27216644236	Phan Diệp Lâm	3/7/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	31CHT8	6.3	7.3	Đạt	
231	28212754726	Thần Vĩnh Hoàng Lâm	3/6/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31THT11	V	-	Vắng thi	
232	28209505252	Nguyễn Thị Lắm	3/9/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CYC8	8.7	9.0	Đạt	
233	28204642344	Hồ Thị Hoa Lan	9/1/2004	Nghệ An	Nữ	Kinh	31THT12	7.3	9.8	Đạt	
234	29206565322	Lê Thị Lan	1/6/2005	Nghệ An	Nữ	Kinh	31TBN8	8.0	5.3	Đạt	
235	28208105513	Nguyễn Thị Phương Lan	8/10/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN13	8.7	7.8	Đạt	
236	28218131517	Nguyễn Hoàng Lân	5/14/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN13	4.7	5.0	Không Đạt	
237	28207104461	Trần Thị Lanh	12/25/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31CYC7	9.3	5.3	Đạt	
238	28208201156	Tổng Thị Mỹ Lệ	1/10/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31SYC6	6.7	6.5	Đạt	
239	703937643	Nguyễn Đoàn Thị Liên	9/13/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC11	6.0	7.0	Đạt	
240	28204322014	Phan Thị Thu Liên	9/2/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC11	8.7	7.3	Đạt	
241	29208155847	Đinh Ngọc Linh	7/30/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC11	5.7	7.0	Đạt	
242	28205147486	Lê Thị Ngọc Linh	10/1/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SBN7	4.0	5.8	Không Đạt	
243	27202201852	Ngô Thị Hoài Linh	9/17/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CBN7	8.0	7.3	Đạt	
244	28206551507	Nguyễn Thị Phương Linh	1/27/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TYC12	10.0	8.8	Đạt	
245	28204349843	Nguyễn Thị Thùy Linh	4/25/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT12	7.7	3.8	Không Đạt	
246	28208105772	Nguyễn Thị Thùy Linh	9/6/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TBN12	8.7	7.3	Đạt	
247	28204650659	Nguyễn Thị Thùy Linh	7/28/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN13	6.3	5.3	Đạt	
248	28213152948	Phan Công Linh	9/13/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT12	6.7	5.5	Đạt	
249	28206126863	Phan Hoàng Tú Linh	10/8/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN12	6.0	5.3	Đạt	
250	28204604145	Trần Thị Thảo Linh	9/4/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31TSC12	6.7	4.0	Không Đạt	
251	28204452610	Trần Thị Thùy Linh	4/19/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TBN12	10.0	10.0	Đạt	
252	30204826605	Văn Nguyễn Thảo Linh	9/30/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC11	8.7	9.3	Đạt	
253	28212303547	Nguyễn Văn Lĩnh	7/23/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31THT12	9.0	5.9	Đạt	
254	28204802961	Phạm Thị Thu Loan	10/8/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN8	6.0	2.0	Không Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
255	28214502049	Nguyễn Tấn Lộc	3/26/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CYC8	3.3	3.9	Không Đạt	
256	28214332370	Văn Bá Bảo Lộc	1/16/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TYC9	7.7	5.3	Đạt	
257	28212703499	Nguyễn Thành Lợi	9/28/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31THT11	V	-	Vắng thi	
258	28213104088	Nguyễn Thành Long	1/16/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31THT12	9.7	5.8	Đạt	
259	28212306398	Trần Đức Long	12/16/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TSC9	8.3	6.8	Đạt	
260	28213103385	Nguyễn Duy Luân	2/29/2004	Phú Yên	Nam	Kinh	31THT12	8.3	5.8	Đạt	
261	28204550052	Đào Bích Ly	12/9/2003	Huế	Nữ	Kinh	31SBN7	9.0	8.0	Đạt	
262	28204553309	Ngũ Lê Khánh Ly	8/17/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TSC12	7.0	7.3	Đạt	
263	28205205446	Nguyễn Ngọc Dạ Ly	6/10/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CYC7	6.0	6.0	Đạt	
264	28204802586	Nguyễn Thị Bích Ly	11/28/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC12	9.3	6.8	Đạt	
265	28208001507	Nguyễn Thị Cẩm Ly	2/26/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31SBN6	4.7	2.8	Không Đạt	
266	28207247210	Nguyễn Thị Diễm Ly	6/17/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SYC6	8.0	7.8	Đạt	
267	28204303333	Nguyễn Thị Dịu Ly	1/1/2004	Huế	Nữ	Kinh	31TBN13	5.7	6.5	Đạt	
268	29204957291	Trần Thị Ái Ly	8/19/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SHT6	7.7	7.3	Đạt	
269	28205153649	Nguyễn Thị Lý	12/27/2004	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	31CSC7	9.0	10.0	Đạt	
270	28218100768	Huỳnh Nguyễn Khánh Mai	10/8/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CYC7	6.3	5.0	Đạt	
271	28204306393	Phan Thị Tuyết Mai	11/13/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CSC8	7.3	9.5	Đạt	
272	29204627597	Trần Xuân Mai	2/10/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SBN7	6.3	5.5	Đạt	
273	28214502604	Phan Thái Mạnh	8/8/2005	Nghệ An	Nam	Kinh	31SHT7	3.3	3.8	Không Đạt	
274	28205105806	Lương Thụy Diệu Mến	3/31/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC12	V	V	Vắng thi	
275	28204900336	Trương Thị Trà Mi	1/5/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CHT8	7.7	7.8	Đạt	
276	29214659015	Hà Công Minh	1/6/2005	Gia Lai	Nam	Kinh	31TBN13	5.0	5.3	Đạt	
277	28212349908	Hoàng Lê Minh	6/22/2004	Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	31TYC11	6.7	8.5	Đạt	
278	27202231345	Hoàng Thị Ngọc Minh	6/4/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CHT6	6.0	5.0	Đạt	
279	28214504035	Lê Đắc Bảo Minh	12/14/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31TYC10	5.3	6.3	Đạt	
280	27214142191	Lê Ngọc Minh	1/10/2000	Thanh Hóa	Nam	Kinh	31SSC6	8.3	7.8	Đạt	
281	28218005110	Bùi Văn Sơn Mlô	7/26/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TYC10	V	-	Vắng thi	
282	29206221348	H Phon Mlô	1/20/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TBN13	7.7	6.3	Đạt	
283	28206600309	Vũ Thị Thanh Mơ	4/15/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SBN7	7.7	6.3	Đạt	
284	28208201878	Đặng Thị My	2/21/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SYC6	8.3	8.5	Đạt	
285	28204939470	Dương Hà My	11/1/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CYC8	5.0	6.0	Đạt	
286	29206223278	Lê Ngọc Thảo My	10/30/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31THT12	8.7	7.5	Đạt	
287	28207505095	Lê Thị Thanh My	5/7/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TSC11	8.3	9.5	Đạt	
288	28207102728	Lê Trần Huyền My	1/1/2004	Đắk Nông	Nữ	Kinh	31TBN13	7.7	4.0	Không Đạt	
289	28204822751	Nguyễn Hạ My	11/18/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SYC6	9.7	10.0	Đạt	
290	28205106739	Nguyễn Kiều Diễm My	3/15/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TYC12	7.7	5.3	Đạt	
291	28206551125	Nguyễn Thị Ngọc My	2/5/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CSC6	9.3	6.0	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
292	29207264104	Nguyễn Thị Trà My	4/26/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN12	7.7	10.0	Đạt	
293	28204600828	Nguyễn Thị Xuân My	8/8/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CBN8	8.3	3.8	Không Đạt	
294	28202700209	Phan Trần Huyền My	2/1/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SHT7	V	V	Vắng thi	
295	29206254332	Trần Thị Trà My	5/1/2005	Kon Tum	Nữ	Kinh	31TBN13	9.3	7.5	Đạt	
296	28204651620	Võ Thị Diễm My	4/17/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CYC7	7.0	3.3	Không Đạt	
297	28208103017	Dương Thị Ngọc Mỹ	1/1/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT13	8.7	6.0	Đạt	
298	28206500535	Nguyễn Thị Lệ Mỹ	7/22/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TYC11	9.3	6.0	Đạt	
299	29207363693	Lê Na	6/5/2005	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TYC11	9.0	10.0	Đạt	
300	28204533783	Võ An Na	7/30/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN7	8.3	6.9	Đạt	
301	28213100669	Đoàn Mạnh Thanh Nam	6/1/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT12	9.3	9.3	Đạt	
302	28204600701	Lê Thị Bích Nga	12/11/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SBN7	10.0	7.8	Đạt	
303	28207105121	Nguyễn Thị Thanh Nga	1/21/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TBN13	6.3	4.3	Không Đạt	
304	28205236715	Nguyễn Thị Tố Nga	7/5/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC1	6.0	5.0	Đạt	
305	28208002271	Phan Thiên Nga	6/15/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC10	V	V	Vắng thi	
306	28216543813	Hồ Thị Thu Ngân	8/12/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT8	9.0	6.3	Đạt	
307	28208040213	Hoàng Kim Ngân	9/14/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT7	5.7	5.0	Đạt	
308	28202705204	Lê Thảo Ngân	4/6/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC12	7.7	5.0	Đạt	
309	28204653281	Lưu Thị Kim Ngân	5/18/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT12	9.0	9.5	Đạt	
310	27211201896	Ngô Tấn Ngân	6/1/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC9	7.3	8.0	Đạt	
311	28209406385	Nguyễn Kim Ngân	1/25/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31THT13	7.3	5.0	Đạt	
312	28208054729	Nguyễn Thị Việt Ngân	2/9/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31SYC6	7.0	5.3	Đạt	
313	28204606674	Trần Kỳ Khánh Ngân	9/22/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31CSC8	8.3	6.5	Đạt	
314	28204103463	Trần Tích Ngân	7/19/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CYC7	9.0	6.0	Đạt	
315	28208027475	Võ Trần Phúc Ngân	7/28/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CYC7	9.0	6.0	Đạt	
316	28214638371	Hồ Tấn Nghĩa	5/16/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CHT8	8.3	9.3	Đạt	
317	27215142855	Nguyễn Hữu Nghĩa	6/11/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TBN9	8.3	6.8	Đạt	
318	26215339310	Trương Quang Anh Nghĩa	7/10/2002	Quảng Trị	Nam	Kinh	31TYC11	10.0	9.3	Đạt	
319	27212201532	Võ Như Nghĩa	11/22/2003	Hà Tây	Nam	Kinh	31TSC11	6.7	5.5	Đạt	
320	28206203484	Ksor Ngoại	1/18/2004	Gia Lai	Nữ	Jrai	31TSC11	8.3	4.3	Không Đạt	
321	28212301061	Hoàng Duy Ngọc	12/7/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31THT12	7.7	7.3	Đạt	
322	28208026254	Huỳnh Lê Như Ngọc	12/19/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31THT13	6.3	3.3	Không Đạt	
323	28205203006	Ksor Nguyễn Bảo Ngọc	10/9/2004	Gia Lai	Nữ	Jrai	31CYC7	8.7	5.5	Đạt	
324	29204955744	Lê Thị Phương Ngọc	12/8/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC11	9.3	7.0	Đạt	
325	28208029156	Nguyễn Thị Bích Ngọc	4/17/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT7	7.3	8.3	Đạt	
326	28208004373	Nguyễn Thị Bích Ngọc	8/30/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC5	9.7	7.8	Đạt	
327	28204304990	Phan Lê Bảo Ngọc	3/18/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT13	8.3	8.0	Đạt	
328	28204405245	Trần Thị Bích Ngọc	4/14/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SYC6	6.7	7.3	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
329	28204100712	Nguyễn Hoàng Nhật Nguyên	10/14/2004	Huế	Nữ	Kinh	31SBN7	6.7	7.8	Đạt	
330	29206552475	Nguyễn Thảo Nguyên	7/23/2004	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	31TBN12	10.0	9.8	Đạt	
331	28204320947	Nguyễn Thị Kim Nguyên	9/25/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN7	7.3	6.0	Đạt	
332	28204322650	Phạm Thị Nguyên	11/19/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN8	9.0	10.0	Đạt	
333	28206653492	Trần Thị Mỹ Nguyên	12/8/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31CSC7	10.0	8.5	Đạt	
334	28206929749	Võ Đăng Kim Nguyên	11/26/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC12	9.7	7.3	Đạt	
335	28204154940	Võ Thị Thu Nguyên	10/29/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC6	9.3	9.3	Đạt	
336	28216251206	Võ Trung Nguyên	7/6/2004	Ninh Thuận	Nam	Kinh	31SHT7	6.0	5.3	Đạt	
337	28208204821	Trần Hồ Thiên Nguyên	9/29/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN8	10.0	8.0	Đạt	
338	28204302856	Lê Hoàng Minh Nguyệt	6/29/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT7	8.0	7.3	Đạt	
339	27202237121	Trần Thị Thanh Nhân	2/23/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TYC12	9.7	9.5	Đạt	
340	27217001767	Hồ Hữu Nhân	4/20/2003	Thanh Hóa	Nam	Kinh	31CHT8	5.3	2.8	Không Đạt	
341	28214603395	Lê Ích Nhân	8/3/2004	Huế	Nam	Kinh	31TBN13	7.3	6.3	Đạt	
342	28214106734	Trần Đình Bảo Nhân	8/11/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31SBN7	8.3	6.0	Đạt	
343	28214329736	Trần Việt Nhân	3/3/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT12	10.0	7.5	Đạt	
344	28214550663	Trần Phước Nhất	9/29/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC11	9.3	7.5	Đạt	
345	28212302720	Nguyễn Đức Nhật	9/17/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31CYC8	5.7	5.3	Đạt	
346	28218143216	Phạm Đình Nhật	4/1/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TBN13	9.7	9.5	Đạt	
347	28202738950	Dương Ngọc Bảo Nhi	8/5/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT11	6.7	5.5	Đạt	
348	28206238575	Hồ Thị Yến Nhi	6/26/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31THT9	6.3	5.8	Đạt	
349	28208106349	Lê Ngọc Ý Nhi	8/15/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31TYC11	9.3	8.3	Đạt	
350	28204303353	Lê Nguyễn Phương Nhi	9/27/2004	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	31CSC8	9.0	8.0	Đạt	
351	28204444682	Lê Thanh Uyên Nhi	7/7/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CYC8	5.3	7.3	Đạt	
352	28206506025	Lê Thị Cẩm Nhi	5/25/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31THT12	9.0	7.4	Đạt	
353	28204602765	Nguyễn Ngọc Nhi	7/23/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SYC6	6.7	6.5	Đạt	
354	28204603963	Nguyễn Thị Hoài Nhi	5/17/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC7	9.0	7.0	Đạt	
355	28208005760	Nguyễn Thị Phương Nhi	2/4/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SYC6	8.0	7.8	Đạt	
356	28204900788	Nguyễn Thị Yến Nhi	3/27/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SBN7	9.0	6.0	Đạt	
357	28206604259	Nguyễn Trương Yến Nhi	10/26/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT13	8.7	6.0	Đạt	
358	28208027141	Phạm Hồng Thảo Nhi	10/8/2004	Đồng Nai	Nữ	Kinh	31TSC12	9.0	7.5	Đạt	
359	28205120449	Phạm Yến Nhi	8/16/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SBN7	7.3	5.0	Đạt	
360	28204650730	Phan Hoàng Hà Nhi	11/8/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TSC12	6.0	6.0	Đạt	
361	28208006701	Phan Thị Bích Nhi	4/24/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN6	5.0	2.8	Không Đạt	
362	28206602070	Trần Nguyễn Bảo Nhi	5/22/2004	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	31CSC8	8.3	5.8	Đạt	
363	28208022928	Trần Thị Yến Nhi	4/3/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31THT13	7.0	6.3	Đạt	
364	27202134279	Trần Yến Nhi	10/25/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN2	4.3	8.3	Không Đạt	
365	28204501023	Trương Thị Quỳnh Nhi	10/20/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31SHT7	7.3	7.3	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
366	28204641497	Trương Thị Xuân Nhi	1/1/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC12	9.3	8.8	Đạt	
367	28204503365	Ngô Thị Quỳnh Như	9/9/2004	Huế	Nữ	Kinh	31CYC8	4.0	6.0	Không Đạt	
368	28204505623	Phạm Lê Quỳnh Như	2/14/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT7	8.3	7.3	Đạt	
369	28204504731	Phạm Thị Bích Như	12/9/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT8	V	V	Vắng thi	
370	28208005201	Phan Nguyễn Quỳnh Như	4/29/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SSC6	8.0	5.3	Đạt	
371	29204634908	Thương Tô Mỹ Như	9/18/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SSC6	5.7	7.0	Đạt	
372	29206559246	Trần Hồ Trung Như	11/6/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT12	9.7	8.3	Đạt	
373	28206551984	Trần Thị Quỳnh Như	3/20/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT12	9.0	5.8	Đạt	
374	28208106106	Trần Thị Ý Như	10/28/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CSC6	7.0	5.0	Đạt	
375	28204651723	Đỗ Thị Tuyết Nhung	9/22/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TSC12	9.7	7.3	Đạt	
376	28208105827	Văn Thị Kim Nhung	9/14/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN13	8.7	8.5	Đạt	
377	28208053568	Huỳnh Tuyết Nữ	3/14/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	31SBN6	5.0	6.8	Đạt	
378	28204934447	Đặng Thị Kiều Oanh	10/6/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CYC8	5.7	5.5	Đạt	
379	28204902443	Lê Thị Thủy Oanh	6/27/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CSC7	6.3	7.3	Đạt	
380	27212253748	Trương Mai Oanh	10/22/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TSC10	5.0	5.0	Đạt	
381	28206702742	Võ Phạm Kiều Oanh	7/23/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN7	6.7	6.5	Đạt	
382	28208101682	Dương Thị Hồng Phấn	3/10/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TBN13	7.3	3.8	Không Đạt	
383	28208147568	Lê Thị Hồng Phấn	11/15/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	31THT11	6.3	6.3	Đạt	
384	28214505828	Mai Thành Phát	8/17/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TBN13	5.7	5.0	Đạt	
385	28212303458	Nguyễn Phạm Hoàng Phát	12/10/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CYC8	7.3	5.3	Đạt	
386	28206822076	Đỗ Quý Phi	2/24/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TBN12	9.3	7.5	Đạt	
387	28208004696	Phạm Thị Mai Phi	10/27/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC12	8.3	7.5	Đạt	
388	28218143292	Trịnh Kỳ Phong	6/28/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN7	6.3	7.3	Đạt	
389	28212740003	Hồ Duy Phú	6/24/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TYC9	8.7	8.0	Đạt	
390	28212742360	Trương Trọng Phú	2/27/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31TBN10	6.0	3.3	Không Đạt	
391	28214331860	Đinh Văn Tấn Phúc	9/17/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CSC7	7.0	8.0	Đạt	
392	28212549675	Hoàng Minh Phúc	12/11/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CBN7	9.0	5.5	Đạt	
393	29206522436	Lê Thị Hà Phúc	8/18/2005	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31THT13	8.3	8.0	Đạt	
394	27211342202	Nguyễn Trung Phúc	9/26/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31SSC6	3.0	5.8	Không Đạt	
395	28214551704	Nguyễn Văn Phúc	4/24/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SBN7	8.0	7.5	Đạt	
396	29215124475	Phạm Xuân Phúc	8/1/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CHT8	9.7	6.3	Đạt	
397	28214301047	Trần Đình Phúc	6/11/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SBN7	7.7	7.9	Đạt	
398	28214523704	Trần Hồng Phúc	10/18/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TSC11	6.3	8.0	Đạt	
399	28214652661	Trương Công Phúc	2/16/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT3	6.3	5.8	Đạt	
400	28212305725	Trương Hoàng Phúc	3/25/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TBN12	5.0	7.0	Đạt	
401	27217037658	Võ Văn Phúc	1/21/2003	Quảng Bình	Nam	Kinh	31CHT8	V	V	Vắng thi	
402	29206660699	Đặng Thị Diễm Phương	1/1/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT8	4.0	3.0	Không Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ	
								KTC	THUĐ			
403	29205059841	Lê Hoài Anh	Phượng	11/23/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31CSC7	8.7	9.8	Đạt	
404	28205128372	Nguyễn Hà	Phượng	3/8/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC7	8.7	9.3	Đạt	
405	29204139811	Nguyễn Thị Minh	Phượng	2/17/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SSC6	9.7	10.0	Đạt	
406	28206246675	Phạm Thị	Phượng	4/24/2004	Ninh Bình	Nữ	Kinh	31TYC11	7.0	6.0	Đạt	
407	28208141275	Bùi Lê Thảo	Phượng	5/5/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN11	9.3	6.8	Đạt	
408	28206605426	Đỗ Nguyễn Đan	Phượng	9/27/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT7	7.7	6.8	Đạt	
409	28206551718	Trần Thị Kim	Phượng	11/19/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CHT7	9.3	5.3	Đạt	
410	28218130469	Đình Gia	Quân	11/30/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT11	4.7	5.8	Không Đạt	
411	28214642420	Đoàn Minh	Quân	6/26/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT13	8.7	7.5	Đạt	
412	28214600560	Lê Đình Minh	Quân	11/5/2004	Huế	Nam	Kinh	31CSC8	5.7	10.0	Đạt	
413	28212305181	Nguyễn Đức Trung	Quân	11/28/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31TSC11	8.7	10.0	Đạt	
414	28214643772	Võ Anh	Quân	3/30/2004	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	31THT13	9.0	8.8	Đạt	
415	28216235101	Phùng Việt	Quang	6/29/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SSC6	5.0	6.8	Đạt	
416	28214336780	Lê Phước Ngọc	Qui	3/5/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CSC8	8.3	5.8	Đạt	
417	28214649543	Hoàng Văn Bảo	Quốc	2/24/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31CBN7	7.3	7.8	Đạt	
418	28212336519	Nguyễn Công	Quý	9/7/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC12	4.3	6.5	Không Đạt	
419	28206750962	Lê Thị Lệ	Quyên	12/28/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TYC12	4.0	6.5	Không Đạt	
420	28206631910	Trần Thị Tố	Quyên	10/7/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT7	9.0	6.3	Đạt	
421	28204604412	Võ Thị Lệ	Quyên	12/20/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SYC6	9.7	8.8	Đạt	
422	28208002645	Võ Thị Lệ	Quyên	8/10/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN13	3.7	1.5	Không Đạt	
423	29212322912	Nguyễn Văn	Quyên	4/24/2005	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CSC8	7.3	7.3	Đạt	
424	28216806037	Trần Xuân	Quyên	12/24/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31SHT7	9.7	7.0	Đạt	
425	27212250383	Trần Nhất	Quyết	7/8/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC12	V	V	Vắng thi	
426	28212351346	Nguyễn Đăng	Quyn	7/3/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CYC8	7.7	9.3	Đạt	
427	27202140068	Chu Diễm	Quỳnh	5/18/2003	Phú Thọ	Nữ	Kinh	31TBN2	3.0	6.0	Không Đạt	
428	28204303102	Đình Nguyễn Thy	Quỳnh	1/7/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31SBN7	7.7	7.8	Đạt	
429	28206548765	Đỗ Nguyễn Trúc	Quỳnh	12/26/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC12	5.0	6.8	Đạt	
430	28204553545	Ngô Thị Như	Quỳnh	10/25/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN8	9.3	9.8	Đạt	
431	29206725012	Nguyễn Duy Như	Quỳnh	2/17/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CHT7	8.3	8.0	Đạt	
432	28204552465	Nguyễn Phạm Khánh	Quỳnh	3/26/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN7	7.3	8.9	Đạt	
433	28206254509	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	1/2/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31SSC6	8.0	7.3	Đạt	
434	28204433803	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	10/22/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TYC12	9.3	8.8	Đạt	
435	28208101910	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	3/5/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	31CHT7	7.0	5.3	Đạt	
436	28207249030	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	3/20/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT12	9.0	5.5	Đạt	
437	28208001719	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	10/14/2004	Đắk Nông	Nữ	Kinh	31THT13	8.7	5.8	Đạt	
438	28204141690	Vũ Thị Kim	Quỳnh	10/8/2004	Đắk Nông	Nữ	Kinh	31TBN12	10.0	9.5	Đạt	
439	28208003696	Phan Nguyễn Minh	Sa	8/19/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN8	9.0	8.3	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
440	28218254388	Nguyễn Sáng	2/16/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TYC9	10.0	6.5	Đạt	
441	28213100166	Nguyễn Anh Sơn	8/8/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31THT13	3.3	4.3	Không Đạt	
442	28212602406	Nguyễn Văn Sơn	11/3/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT12	9.0	5.5	Đạt	
443	28212945269	Tô Đình Sơn	8/10/2004	Lâm Đồng	Nam	Kinh	31THT12	10.0	10.0	Đạt	
444	27216338219	Trần Nam Sơn	6/20/1999	Bình Dương	Nam	Kinh	31CBN7	V	V	Vắng thi	
445	28204900508	Trần Hoài Sương	5/20/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TBN13	6.7	5.0	Đạt	
446	28218045391	Lương Đức Tài	11/8/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC12	8.3	8.0	Đạt	
447	28215106406	Nguyễn Song Tài	3/13/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31TSC12	V	V	Vắng thi	
448	27211334764	Trần Văn Tài	2/7/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SBN2	8.3	5.3	Đạt	
449	28204900816	Phạm Thị Minh Tâm	6/18/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CHT8	9.3	9.0	Đạt	
450	28204602035	Phạm Thị Thanh Tâm	2/4/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TSC11	5.0	5.8	Đạt	
451	28204600357	Phạm Thị Thúy Tâm	6/3/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SHT7	9.0	8.3	Đạt	
452	28208026109	Trần Nguyễn Thanh Tâm	9/1/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SYC6	8.7	7.5	Đạt	
453	28212306628	Bùi Vạn Thiên Tân	6/23/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31THT12	5.3	6.8	Đạt	
454	28212747755	Nguyễn Trần Nhật Tân	12/24/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TYC11	V	V	Vắng thi	
455	28218006044	Phạm Minh Tây	6/13/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SBN6	3.3	5.5	Không Đạt	
456	27211539649	Huỳnh Đức Thạch	6/2/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TBN13	1.7	2.8	Không Đạt	
457	28204604395	Huỳnh Thị Hồng Thắm	1/10/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CYC8	9.3	7.3	Đạt	
458	28214648008	Nguyễn Thân	9/5/2004	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	31SHT7	6.7	7.0	Đạt	
459	29214650949	Hoàng Đình Thắng	2/12/2002	Quảng Trị	Nam	Kinh	31THT11	V	V	Vắng thi	
460	28213780316	Nguyễn Đắc Thắng	10/21/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	31TSC11	7.3	7.3	Đạt	
461	28212300348	Nguyễn Tiến Thắng	1/3/2004	Hưng Yên	Nam	Kinh	31TYC11	7.0	8.8	Đạt	
462	28218105857	Nguyễn Toàn Thắng	9/16/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CHT1	5.0	5.0	Đạt	
463	27211502361	Nguyễn Văn Quốc Thắng	11/5/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC11	6.7	5.8	Đạt	
464	27203730787	Đoàn Thị Thanh	10/29/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TYC10	V	V	Vắng thi	
465	28211141086	Huỳnh Công Thành	8/14/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SBN6	7.0	6.1	Đạt	
466	28212348065	Nguyễn Nhật Thành	7/22/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31TYC12	5.0	5.5	Đạt	
467	28204605802	Trần Thị Mỹ Thành	8/8/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC12	8.7	8.3	Đạt	
468	28208152323	Trần Thị Thu Thao	9/13/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31SHT6	7.3	4.3	Không Đạt	
469	28204602490	Đinh Thị Thu Thảo	8/22/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC7	9.7	8.5	Đạt	
470	28208202235	Nguyễn Hà Thu Thảo	6/10/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN8	6.7	6.3	Đạt	
471	28206606140	Nguyễn Thạch Thảo	5/24/2001	Hà Nội	Nữ	Kinh	31CSC7	9.3	8.0	Đạt	
472	28208001901	Nguyễn Thị Phương Thảo	2/27/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN8	9.3	6.5	Đạt	
473	28204301329	Nguyễn Thị Phương Thảo	10/6/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC12	10.0	5.8	Đạt	
474	28206841890	Nguyễn Thị Thanh Thảo	1/11/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC12	4.3	6.3	Không Đạt	
475	29206565183	Nguyễn Thị Thu Thảo	7/10/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT13	6.3	5.8	Đạt	
476	26202218413	Nguyễn Thu Thảo	7/20/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SHT7	10.0	8.3	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
477	28212253672	Nguyễn Đức Thế	4/7/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31TBN12	8.3	8.3	Đạt	
478	28214101365	Nguyễn Đăng Thì	6/16/2004	Phú Yên	Nam	Kinh	31TYC11	8.3	9.5	Đạt	
479	27204802168	Phan Thái Thiên Thiên	9/23/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SSC6	6.0	6.4	Đạt	
480	28208024671	Hoàng Thị Phước Thiện	1/21/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SBN7	7.3	6.5	Đạt	
481	28210346306	Hồ Phước Thịnh	5/18/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CSC6	5.3	7.3	Đạt	
482	28206747114	Hồ Anh Thơ	4/19/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TSC11	9.0	5.8	Đạt	
483	28212750109	Trần Duy Thoại	1/3/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SSC6	6.7	9.8	Đạt	
484	28204500299	Đoàn Thị Mỹ Thơm	4/19/2004	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	31CHT8	9.7	5.3	Đạt	
485	28204606714	Dương Quỳnh Thư	2/6/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC6	8.7	10.0	Đạt	
486	28208031328	Dương Thị Ngọc Thư	10/27/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SSC5	6.7	6.8	Đạt	
487	27214200739	Hắc Minh Thư	4/15/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SSC6	7.0	7.0	Đạt	
488	28205102580	Lê Thị Anh Thư	5/4/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SYC6	7.0	10.0	Đạt	
489	28205245615	Nguyễn Anh Thư	5/9/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN11	8.0	6.3	Đạt	
490	28209405118	Nguyễn Anh Thư	1/5/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31TYC11	9.0	8.0	Đạt	
491	28208103686	Nguyễn Thị Anh Thư	4/23/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN7	5.0	5.3	Đạt	
492	27202141055	Nguyễn Thị Anh Thư	8/25/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC10	6.7	5.0	Đạt	
493	28206252621	Nguyễn Vũ Anh Thư	4/1/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CYC8	5.0	7.8	Đạt	
494	28204100320	Trương Anh Thư	9/19/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC8	8.7	9.0	Đạt	
495	28207103645	Nguyễn Phan Hiền Thục	11/15/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN13	5.3	3.3	Không Đạt	
496	28204301503	Đỗ Thị Thu Thương	3/10/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC12	V	V	Vắng thi	
497	29206551025	Hồ Hoài Thương	9/19/2005	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31THT13	8.3	5.5	Đạt	
498	28213100853	Kiều Quang Thương	5/15/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31THT12	9.0	8.5	Đạt	
499	28204305083	Nguyễn Thị Kiều Thương	3/23/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC8	8.7	6.8	Đạt	
500	28204749904	Nguyễn Thị Mai Thương	6/26/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TYC12	7.3	9.5	Đạt	
501	28208000084	Trần Thị Thu Thương	8/26/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC12	4.0	6.8	Không Đạt	
502	28208147015	Nguyễn Thị Diễm Thúy	11/30/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN13	8.3	5.5	Đạt	
503	28208152868	Nguyễn Thị Phương Thúy	4/26/2004	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	31CYC8	8.0	7.5	Đạt	
504	28202702251	Trần Thị Hồng Thúy	12/18/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31THT11	9.0	5.8	Đạt	
505	28208127286	Trương Thị Thanh Thúy	2/14/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC7	9.0	8.5	Đạt	
506	28208100383	Trương Thị Thanh Thúy	8/29/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TBN13	10.0	6.5	Đạt	
507	28207103209	Vũ Thị Thu Thúy	5/26/2004	Bình Phước	Nữ	Kinh	31SYC6	8.7	6.8	Đạt	
508	28209348409	Nguyễn Phạm Thu Thủy	6/4/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31TSC11	8.3	8.5	Đạt	
509	28204353106	Nguyễn Thị Thanh Thủy	4/17/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC11	6.3	7.3	Đạt	
510	29206500118	Trần Thị Thủy	2/10/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31THT12	8.3	8.8	Đạt	
511	28204528135	Hoàng Ngọc Thủy Tiên	11/28/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CBN7	9.3	7.8	Đạt	
512	28204350021	Lê Thị Thủy Tiên	6/24/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31SSC6	7.7	5.9	Đạt	
513	28206546880	Nguyễn Thị Thủy Tiên	11/12/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT6	6.7	6.3	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
514	28216651424	Phan Thị Kim Tiên	5/4/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CHT8	7.3	9.3	Đạt	
515	29209548300	Trần Nguyễn Thủy Tiên	12/21/2005	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	31CHT7	7.3	6.8	Đạt	
516	28204601464	Trần Tôn Thủy Tiên	6/21/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CHT8	9.7	8.8	Đạt	
517	28214402370	Đỗ Quốc Tiến	7/22/2003	Lâm Đồng	Nam	Kinh	31THT13	7.3	8.8	Đạt	
518	28219731142	Huỳnh Văn Tiến	7/29/2004	Phú Yên	Nam	Kinh	31SSC6	7.0	7.8	Đạt	
519	28214305684	Nguyễn Hoàng Tiên	10/9/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CHT6	6.0	9.3	Đạt	
520	28214553603	Nguyễn Quang Tiến	5/12/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN7	7.7	6.8	Đạt	
521	28207151457	Lương Thị Thanh Tiên	5/25/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC11	3.0	2.3	Không Đạt	
522	28218151935	Phạm Quang Tiệp	11/13/2004	Hưng Yên	Nam	Kinh	31SSC6	4.7	7.3	Không Đạt	
523	28218004318	Ngô Trọng Tín	12/1/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC11	7.0	6.3	Đạt	
524	28206853386	Hồ Thị Chơn Tịnh	2/27/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31THT12	9.0	5.0	Đạt	
525	28212346137	Nguyễn Quốc Tịnh	8/26/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CYC7	5.3	5.3	Đạt	
526	27211541606	Đặng Bá Toàn	2/5/2003	Huế	Nam	Kinh	31THT13	4.3	3.3	Không Đạt	
527	26212133814	Nguyễn Hữu Toàn	7/21/2002	Đắk Lắk	Nam	Kinh	29TSC7	7.3	7.5	Đạt	
528	27211327005	Trần Văn Toàn	2/7/2003	Gia Lai	Nam	Kinh	31TBN12	7.7	7.8	Đạt	
529	28212301589	Võ Đức Toàn	1/22/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC12	6.7	8.5	Đạt	
530	27202120563	Nguyễn Hương Trà	8/22/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SHT7	6.7	5.8	Đạt	
531	29204164487	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	12/20/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN12	7.0	8.4	Đạt	
532	28206501925	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	10/25/2004	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	31TSC9	6.0	4.3	Không Đạt	
533	28206536910	Nguyễn Thị Thảo Trâm	7/9/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN12	9.7	7.5	Đạt	
534	28204904540	Tôn Nữ Thị Thủy Trâm	6/27/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC8	5.0	3.8	Không Đạt	
535	28208048624	Trần Thị Huyền Trâm	1/1/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SSC6	4.0	3.8	Không Đạt	
536	30204938175	Võ Đào Bảo Trâm	10/21/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN13	5.3	3.3	Không Đạt	
537	29209023554	Nguyễn Châu Ngọc Trâm	8/19/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	31TYC11	7.7	9.5	Đạt	
538	27207643283	Huỳnh Vũ Huyền Trân	11/7/2003	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	31TSC11	6.7	8.8	Đạt	
539	28206201369	Lê Thị Thảo Trân	11/11/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31CHT7	6.7	5.0	Đạt	
540	28208048257	Nguyễn Đỗ Ngọc Trân	1/8/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CYC7	5.7	5.8	Đạt	
541	28204504050	Cao Thị Vĩnh Hiền Trang	10/14/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN8	10.0	8.5	Đạt	
542	28204900254	Châu Ánh Trang	11/29/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CYC8	9.0	6.3	Đạt	
543	28208154662	Đinh Thị Thủy Trang	8/2/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN13	9.7	6.8	Đạt	
544	28204802948	Dương Nguyễn Thủy Trang	3/8/2004	Vũng Tàu	Nữ	Kinh	31CBN7	9.7	8.0	Đạt	
545	28204933869	Lê Thị Trang	3/3/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31CYC8	5.7	3.4	Không Đạt	
546	28204643774	Lê Thủy Trang	12/6/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31THT13	5.7	8.3	Đạt	
547	28206653681	Nguyễn Cao Minh Trang	7/17/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT7	7.3	5.3	Đạt	
548	28204850602	Nguyễn Lê Ngọc Trang	5/20/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SYC6	8.7	8.5	Đạt	
549	29206845415	Nguyễn Thị Trang	10/7/2005	Nghệ An	Nữ	Kinh	31TBN8	5.0	6.8	Đạt	
550	28205151635	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	5/6/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31SBN7	6.7	6.8	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
551	28207254606	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	10/25/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TSC9	6.0	5.3	Đạt	
552	28204624785	Nguyễn Thị Thu Trang	10/10/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SSC4	6.0	5.3	Đạt	
553	27202236335	Nguyễn Thị Thu Trang	3/12/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT13	V	V	Vắng thi	
554	28204553604	Nguyễn Thị Thùy Trang	8/15/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SHT7	9.0	8.3	Đạt	
555	28204800824	Nguyễn Thị Thùy Trang	1/8/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SBN7	8.0	6.8	Đạt	
556	28204354851	Phan Trần Linh Trang	4/7/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31THT12	9.3	8.0	Đạt	
557	29207254785	Trần An Hà Trang	11/15/2005	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	31TBN12	9.3	10.0	Đạt	
558	27204702109	Trần Thị Trang	5/2/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	31SHT7	9.0	7.5	Đạt	
559	28206725679	Trần Thị Thùy Trang	5/6/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SYC6	5.3	5.3	Đạt	
560	28208142242	Trần Thị Thùy Trang	1/22/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC6	6.7	6.8	Đạt	
561	28204904979	Võ Thị Thùy Trang	3/14/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC8	6.3	6.3	Đạt	
562	28218300913	Dương Ngọc Trí	1/3/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN8	9.0	3.8	Không Đạt	
563	28218100393	Phạm Trung Trí	1/2/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TBN11	7.0	5.3	Đạt	
564	27212125683	Từ Quang Trí	11/10/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT8	6.0	7.0	Đạt	
565	29219324970	Nguyễn Khắc Triệu	11/26/2005	Bình Dương	Nam	Kinh	31CYC6	6.3	6.8	Đạt	
566	28204406130	Đặng Thị Mỹ Trinh	9/24/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC8	9.0	7.5	Đạt	
567	28206249629	Lê Kiều Trinh	5/12/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TSC12	6.7	5.3	Đạt	
568	28204551730	Lê Thị Mỹ Trinh	10/10/2004	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	31SHT7	7.3	9.3	Đạt	
569	28206703639	Nguyễn Ngọc Trinh	8/25/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31CYC7	7.7	6.3	Đạt	
570	29206248194	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	9/21/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC7	8.7	9.5	Đạt	
571	28209424598	Phan Ngọc Kiều Trinh	6/20/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN12	7.7	6.3	Đạt	
572	28216704189	Tôn Thị Út Trinh	11/29/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TBN12	6.3	8.0	Đạt	
573	28208024752	Văn Thị Thục Trinh	6/29/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT7	8.0	7.0	Đạt	
574	27207128614	Võ Thị Kiều Trinh	10/24/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	29CYC3	V	V	Vắng thi	
575	28214353395	Văn Đức Trọng	10/8/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CSC8	8.3	7.0	Đạt	
576	29204556045	Bùi Lê Như Trúc	10/30/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TYC12	8.7	8.0	Đạt	
577	28202741911	Hồ Ngọc Thùy Trúc	11/24/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC8	8.7	5.0	Đạt	
578	28204505373	Lê Phương Trúc	1/2/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN8	8.7	6.0	Đạt	
579	28206746067	Nguyễn Thị Thanh Trúc	3/8/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT7	9.3	6.3	Đạt	
580	29206731814	Thái Thị Thanh Trúc	10/21/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CSC7	9.0	5.3	Đạt	
581	28216605989	Trần Gia Trúc	5/23/2004	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	31SBN7	7.0	7.6	Đạt	
582	28212306132	Trà Thanh Trung	7/23/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31TYC11	7.3	7.8	Đạt	
583	28214605512	Trần Xuân Trung	7/30/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31CHT8	9.0	9.5	Đạt	
584	29214361487	Võ Quốc Trung	5/13/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	31THT13	6.7	5.5	Đạt	
585	28212301758	Lê Xuân Trường	12/6/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31TYC11	4.0	5.0	Không Đạt	
586	27212245643	Ngô Quang Trường	8/26/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC12	V	V	Vắng thi	
587	28209424381	Nguyễn Thị Minh Trường	3/6/2004	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	31SYC6	7.3	8.5	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
588	28206503389	Hà Minh Tú	6/30/2004	Thái Bình	Nữ	Kinh	31CHT8	5.3	9.3	Đạt	
589	28214948209	Thái Tuấn Tú	11/5/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC12	8.3	10.0	Đạt	
590	28208106250	Võ Ngọc Cẩm Tú	10/12/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC8	9.7	7.5	Đạt	
591	28218136356	Đặng Tiến Tuấn	12/6/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SHT6	5.0	5.0	Đạt	
592	28212200122	Lê Huỳnh Anh Tuấn	11/19/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31TBN12	8.3	9.8	Đạt	
593	28212353553	Lê Văn Tuấn	1/12/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TYC11	9.0	6.5	Đạt	
594	28212302227	Nguyễn Thanh Tuấn	10/27/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TSC11	8.7	7.3	Đạt	
595	27211501791	Trần Lê Anh Tuấn	4/22/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31THT13	2.3	2.0	Không Đạt	
596	28214651860	Võ Minh Tuấn	4/4/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31THT12	6.7	9.5	Đạt	
597	28212703876	Hoàng Văn Tùng	3/28/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31CBN6	5.0	6.0	Đạt	
598	28212336919	Nguyễn Thanh Tùng	2/2/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31THT12	9.0	9.0	Đạt	
599	27217225772	Huỳnh Công Tuyển	8/7/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT13	V	V	Vắng thi	
600	28206223310	Lê Nguyễn Ngọc Tuyển	1/14/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31SBN7	6.3	5.8	Đạt	
601	28208202598	Phan Thị Thu Tuyển	8/20/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC6	7.3	6.0	Đạt	
602	28209445558	Trần Thị Phương Tuyển	5/10/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SYC6	8.7	7.5	Đạt	
603	28206206038	Hà Thị Ánh Tuyết	5/3/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC8	8.7	9.0	Đạt	
604	28218042877	Huỳnh Ngọc Tuyết	7/29/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT13	6.3	1.3	Không Đạt	
605	29206565552	Lê Thị Ty	2/10/1997	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN12	9.3	10.0	Đạt	
606	28206503671	Nguyễn Thị Mỹ Ty	7/24/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CHT7	9.0	6.5	Đạt	
607	28206105368	Đặng Nguyễn Ngọc Uyên	12/6/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN7	8.7	7.0	Đạt	
608	28205102163	Huỳnh Ái Phương Uyên	11/12/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TYC11	9.7	8.5	Đạt	
609	28204353465	Nguyễn Phương Uyên	9/30/2004	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	31TYC12	7.7	6.3	Đạt	
610	31265280010	Nguyễn Thị Phương Uyên	4/28/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT12	9.3	5.3	Đạt	
611	28208132099	Nguyễn Thị Thúy Phương Uyên	8/17/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN12	10.0	9.9	Đạt	
612	27204335991	Tôn Nữ Tú Uyên	6/19/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TYC12	6.7	5.8	Đạt	
613	27203837388	Trần Lê Uyên	9/28/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT7	9.3	8.3	Đạt	
614	28208004370	Nguyễn Lưu Thu Vân	2/4/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TSC12	8.3	6.8	Đạt	
615	27202103195	Hà Thúy Vi	5/19/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31THT12	7.7	4.1	Không Đạt	
616	28216500732	Nguyễn Kiều Thúy Vi	1/1/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31SHT7	5.0	7.3	Đạt	
617	28206752710	Nguyễn Phạm Nhật Vi	11/26/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC11	V	V	Vắng thi	
618	28204600594	Phạm Tường Vi	11/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN7	8.0	6.0	Đạt	
619	28218100524	Lê Công Viên	7/10/2004	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	31SSC6	6.0	8.9	Đạt	
620	28206502363	Võ Phan Hồng Viên	9/28/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TBN12	7.7	6.4	Đạt	
621	28218122017	Nguyễn Trịnh Hoàng Việt	1/5/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CHT8	7.3	7.3	Đạt	
622	28218000754	Võ Quốc Việt	2/10/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TBN10	3.0	6.3	Không Đạt	
623	28210222806	Nguyễn Thành Vinh	12/12/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CBN7	5.0	1.8	Không Đạt	
624	28216501401	Bùi Văn Vũ	10/30/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CHT7	9.3	6.3	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
625	28218145697	Hứa Văn Hoàng Vũ	6/14/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SBN7	6.3	6.8	Đạt	
626	28214650521	Lê Vũ	11/17/2002	Quảng Nam	Nam	Kinh	31THT13	7.7	5.0	Đạt	
627	28211304550	Lê Nhân Vũ	10/9/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31CSC8	7.3	5.8	Đạt	
628	28214724190	Nguyễn Quang Vũ	11/9/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC11	5.0	3.5	Không Đạt	
629	28214603468	Trần Long Vũ	10/6/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CHT8	8.0	8.8	Đạt	
630	28204500278	Đinh Ngọc Tường Vy	1/23/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN8	9.7	9.3	Đạt	
631	28204828768	Đỗ Nguyễn Thảo Vy	11/12/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC8	10.0	8.0	Đạt	
632	28208027313	Hoàng Thị Bích Vy	1/22/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC12	8.7	7.8	Đạt	
633	28204904900	Hồng Vy	7/20/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CSC8	7.3	9.4	Đạt	
634	28209339287	Nguyễn Thị Hoàng Vy	3/22/2004	Đà Lạt	Nữ	Kinh	31TYC11	6.7	7.8	Đạt	
635	27203353106	Nguyễn Thị Thảo Vy	10/16/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN8	9.3	8.3	Đạt	
636	27202241855	Nguyễn Tống Tường Vy	11/28/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	30CBN3	6.3	5.5	Đạt	
637	28204622484	Trần Nguyễn Ý Vy	1/4/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN12	6.0	7.3	Đạt	
638	28204951880	Trương Thị Kiều Vy	9/1/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CYC8	5.3	8.0	Đạt	
639	29208042247	Võ Thị Thúy Vy	9/12/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TBN13	3.0	2.8	Không Đạt	
640	28214600713	Nguyễn Gia Vỹ	4/1/2002	Kon Tum	Nam	Kinh	31CBN7	9.7	7.3	Đạt	
641	28208122368	Từ Thị Mỹ Xoan	2/27/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TYC11	8.7	9.5	Đạt	
642	28204900866	Nguyễn Thị Như Ý	7/21/2004	Đắk Nông	Nữ	Kinh	31THT13	5.0	4.0	Không Đạt	
643	396304831	Bùi Thị Yên	3/4/2007	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN13	7.3	7.5	Đạt	
644	28208205571	Đàm Vương Nguyệt Yên	1/6/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN8	7.3	9.3	Đạt	
645	28204652430	Tô Thị Mỹ Yên	4/10/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TBN12	8.7	9.5	Đạt	
646	28204453151	Trần Tinh Yên	11/11/2004	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	31CSC8	9.7	9.3	Đạt	
647	28208004333	Lê Thị Hồng Yến	10/30/2004	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	31TSC11	6.3	7.3	Đạt	
648	28208100741	Nguyễn Đỗ Ngọc Yến	10/20/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CBN7	6.0	5.5	Đạt	
649	28206750515	Nguyễn Ngọc Hải Yến	11/20/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TSC12	5.0	9.0	Đạt	
650	29204645546	Nguyễn Thị Mỹ Yến	7/4/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CHT7	8.3	6.8	Đạt	
651	28206702994	Nguyễn Thị Ngọc Yến	1/8/2002	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	31TBN12	10.0	7.3	Đạt	